

PHÉP LIÊN KẾT DÙNG TỪ ĐỒNG NGHĨA VÀ TRÁI NGHĨA TRONG VĂN BẢN TIẾNG VIỆT

CQNUNIONS USING SYNONYMS AND ANTONYNS IN VIETNAMESE TEXT

Nguyễn Thị Thương

ThS. Trường Đại học Hải Dương

Received: 5/9/2025; Accepted: 20/9/2025; Published: 2/10/2025

Tóm tắt: Trong ngôn ngữ học văn bản, phép liên kết là một trong những phương tiện quan trọng tạo nên tính mạch lạc. Bên cạnh phép lặp, phép thế, phép nối..., việc sử dụng từ đồng nghĩa và trái nghĩa đóng vai trò đặc biệt trong việc duy trì và phát triển mạch ý. Phép liên kết bằng từ đồng nghĩa giúp tránh sự lặp từ đơn điệu, đồng thời mở rộng, bổ sung sắc thái nghĩa cho văn bản. Ngược lại, phép liên kết bằng từ trái nghĩa thường được vận dụng để nhấn mạnh, đối chiếu và làm nổi bật các khía cạnh khác nhau của sự vật, hiện tượng. Cả hai hình thức này không chỉ góp phần tăng tính liên kết mà còn nâng cao tính biểu cảm và sức thuyết phục của văn bản tiếng Việt. Nghiên cứu phép liên kết bằng từ đồng nghĩa và trái nghĩa giúp người học và người sử dụng tiếng Việt có ý thức hơn trong việc lựa chọn từ ngữ, từ đó cải thiện hiệu quả giao tiếp và chất lượng diễn đạt.

Từ khóa: liên kết văn bản, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, văn bản Tiếng Việt

Abstract: In text linguistics, cohesion is one of the essential means of creating coherence. Alongside repetition, substitution, and conjunction, the use of synonyms and antonyms plays a particularly important role in maintaining and developing the flow of ideas. Cohesion through synonyms helps avoid monotonous repetition while enriching and supplementing semantic nuances in the text. Conversely, cohesion through antonyms is often employed to emphasize, contrast, and highlight different aspects of objects and phenomena. Both forms not only enhance cohesion but also improve the expressiveness and persuasiveness of Vietnamese texts. Studying cohesive devices through synonyms and antonyms helps learners and users of Vietnamese become more conscious in word choice, thereby improving communication effectiveness and the quality of expression.

Keywords: textual cohesion, synonym, antonym, Vietnamese texts.

1. Đặt vấn đề

Từ đồng nghĩa (TĐN) là những từ có quan hệ với nhau về ngữ nghĩa. Đó là quan hệ giữa các từ ít nhất có chung một nét nghĩa. Nói cách khác, quan hệ đồng nghĩa bắt đầu nảy sinh khi xuất hiện một nét nghĩa chung, một nét đồng nghĩa nhất giữa các từ. Giữa các từ đồng nghĩa có mức độ đồng nghĩa cao thấp khác nhau, tùy thuộc số lượng nét nghĩa chung, nét nghĩa đồng nhất. Vì vậy khi phân loại TĐN, căn cứ vào mức độ đồng nghĩa (số lượng nét nghĩa chung nhiều hay ít), căn cứ vào mức độ đồng nhất về nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm và nghĩa biểu thái, có thể chia các TĐN thành hai loại lớn: TĐN tuyệt đối và TĐN tương đối.

Từ trái nghĩa (TTN): Là những từ thuộc cùng một trường nghĩa và có ít nhất một nét nghĩa có giá trị đối lập nhau, còn tất cả các nét nghĩa khác đều đồng nhất. Sự đồng nhất này làm thành cái nền cho sự đối lập được nổi bật hơn. Sự đối lập đó là sự đối lập hai thái cực của cùng một thuộc tính, một hiện tượng. Sự đối lập đó là sự đối lập hai thái cực của cùng một thuộc tính, một hiện tượng. Những thái cực này tồn tại cùng nhau, quy định lẫn nhau. Chính mối quan hệ chặt chẽ này là cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ trái nghĩa như một kiểu liên kết văn bản rất quan trọng.

Nghiên cứu TĐN và TTN làm giàu vốn từ vựng, cải thiện kỹ năng giao tiếp bằng cách giúp diễn đạt ý tưởng một cách đa dạng, chính xác và tránh lặp từ. Nó giúp hiểu sâu hơn ý nghĩa của từ thông qua sự đối chiếu và so sánh các mối quan hệ nghĩa của chúng.

2. Nội dung nghiên cứu**2.1 Phép liên kết dùng từ đồng nghĩa**

Từ ngữ đồng nghĩa tuyệt đối là những từ ngữ đồng nhất về nghĩa biểu vật (cùng chỉ một sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan), nghĩa biểu niệm (cùng diễn đạt một nội dung khái niệm như nhau, có hầu hết các nét nghĩa trùng nhau), nghĩa biểu thái (cùng có sắc thái biểu cảm như nhau) và có thể thay thế được cho nhau.

Ví dụ về trường hợp dùng TĐN tuyệt đối:

Khánh và Long là anh em sinh đôi. Hai anh em giống nhau như đúc. Hồi nhỏ, thấy mọi người **không** nhận ra ai là anh, ai là em, Long khoái chí lắm. Nhưng dần dần, Long **không** còn thấy thú vị nữa. Mỗi khi bị gọi nhầm tên, Long lại muốn kêu lên: “Tôi là Long, tôi **chẳng** giống ai hết.”.

Những bác ong vàng **cần cù** tìm bắt từng con sâu trong ngách lá. Kia nữa là họ hàng nhà ruồi trâu có đuôi dài như đuôi chuồn chuồn, đó chính là những “hiệp sĩ” diệt sâu róm. Lại còn những cô cụt chim

sâu ít nói, **chăm chỉ**. Những bác cóc già lặng lẽ, **siêng năng**. Tất cả đều lo diệt trừ sâu bọ để giữ gìn hoa lá.

Hai ví dụ trên đều sử dụng những cặp từ ngữ liên kết đồng nghĩa tuyệt đối (các cặp từ ngữ này đều có mặt trong từ điển về từ đồng nghĩa). Ví dụ thứ nhất là: *không - chẳng*, ví dụ thứ hai là *cần cù - chăm chỉ - siêng năng*. Từ mối quan hệ giữa các cặp từ ngữ này là đồng nghĩa tuyệt đối nên các câu chứa chúng liên kết được với nhau. Ngoài tác dụng liên kết, sự có mặt của chúng trong đoạn văn còn tránh được lỗi lặp về từ và tạo cho văn bản có được sự đa dạng trong cách diễn đạt.

Từ ngữ đồng nghĩa tương đối là những từ ngữ có một số nét nghĩa trùng nhau, đồng thời có một số nét nghĩa khác, tức là giữa những từ ngữ này vừa có mặt đồng nhất, vừa có mặt khác biệt về sự vật, hiện tượng được biểu thị, về khái niệm được diễn đạt, về sắc thái tình cảm, về phạm vi sử dụng... Ví dụ về trường hợp dùng từ ngữ đồng nghĩa tương đối:

Có một cậu bé mơ ước được bay như chim. Nhìn những cánh chim chao liệng

trên trời cao, cậu nghĩ tại sao mình lại không thể bay nhi.

Hai từ *bay* và *chao liệng* là cặp TĐN tương đối dùng để liên kết hai câu chứa chúng. Cả hai từ đều có nét nghĩa chung: “di chuyển trên không”, nhưng trong từ *chao liệng* còn có nét nghĩa “di chuyển theo đường vòng”.

Ví dụ: *Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khiêu vũ. Người thì xén bót cỏ để làm sân nhảy, người thì kê ghế dài xung quanh bãi cỏ đã xén gọn. Bên này, hai bạn nhanh nhẹn nhất đang dựng một cái lều để biểu diễn nhạc. Bên kia, mười tay đàn xuất sắc đã lập thành một dàn nhạc và chơi thử ngay tại chỗ.*

Ở ví dụ trên, *khiêu vũ* và *nhảy* là những trường hợp đồng nghĩa tương đối với nhau. Cả hai trường hợp đều có nét nghĩa chung là “làm những động tác thân thể nhịp nhàng, uyển chuyển, nối tiếp nhau theo nhạc điệu trong các cuộc vui”, nhưng trong từ *khiêu vũ* còn có nét nghĩa “làm động tác theo từng đôi nam nữ”.

Việc dùng TĐN ở đây có tác dụng liên kết những câu chứa chúng và tránh được việc lặp các từ ngữ không cần thiết.

Khảo sát Phép liên kết dùng từ ngữ đồng nghĩa gián tiếp cho thấy tần số xuất hiện của phép liên kết này không đồng đều trong nguồn ngữ liệu khảo sát, có văn bản sử dụng nhiều lần nhưng có văn bản không sử dụng phép liên kết này.

Phép liên kết dùng từ ngữ đồng nghĩa gián tiếp

Những từ ngữ đồng nghĩa gián tiếp thường không có mặt trong các từ điển đồng nghĩa, song trong

những hoàn cảnh sử dụng cụ thể chúng có quan hệ đồng nhất trong quy chiếu. Dùng từ ngữ đồng nghĩa gián tiếp là cách sử dụng những từ ngữ có phần ít trực tiếp hơn so với cách dùng từ ngữ trực tiếp vào mục đích liên kết các câu trong văn bản. Cách này sử dụng những từ ngữ đồng nghĩa miêu tả; những từ ngữ thượng danh, hạ danh và dùng dạng phủ định của từ ngữ trái nghĩa.

Dùng từ ngữ đồng nghĩa miêu tả

Đây là phép liên kết có ít nhất một trong hai yếu tố liên kết là cụm từ miêu tả một thuộc tính điển hình nào đó đủ để đại diện cho đối tượng mà nó biểu thị.

Ví dụ: *Trong tà áo dài tha thướt, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển. Bản nhạc “Mùa xuân” vang lên réo rắt, say đắm, rồi dần chuyển sang tiết tấu rạo rức, tung bừng. Những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rức. Những chiếc mầm bật khỏi cành. Hoa đào rộ lên khoe sắc...*

Các tổ hợp từ *những giọt mưa xuân, những chiếc mầm bật khỏi cành, hoa đào rộ lên khoe sắc* là các tổ hợp từ đồng nghĩa miêu tả cho từ *mùa xuân*. Nhờ việc sử dụng tổ hợp TĐN miêu tả này mà các câu chứa chúng liên kết với nhau chặt chẽ.

Dùng từ ngữ thượng danh, hạ danh (trên bậc, dưới bậc)

Từ ngữ thượng danh (cũng còn được gọi là từ ngữ trên bậc) là từ ngữ thuộc bậc khái quát cao hơn so với từ ngữ hạ danh (còn được gọi là từ ngữ dưới bậc). Từ ngữ hạ danh hoặc thuộc bậc khái quát thấp hơn hoặc là những từ ngữ cụ thể.

Giữa từ ngữ thượng danh và từ ngữ hạ danh cũng có quan hệ cấp loại nên sẽ giống với trường hợp của phép liên kết dùng từ ngữ gần nghĩa. Điểm phân biệt giữa hai phép này là quan hệ giữa từ ngữ thượng danh với từ ngữ hạ danh của phép liên kết dùng từ ngữ gần nghĩa là không có sự đồng nhất trong quy chiếu còn với phép liên kết này thì giữa các từ ngữ thượng danh với từ ngữ hạ danh có sự đồng nhất trong quy chiếu mà không cần phân biệt cấp loại. Từ ngữ hạ danh thường xuất hiện ở câu đứng trước. Từ ngữ thượng danh thường dùng ở những câu đi sau nhằm mục đích liên kết với các câu có chứa từ ngữ hạ danh.

Ví dụ: *Thế là ngoài hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh, tất cả các bức tranh còn lại đều na ná giống nhau. Lúc đầu, cô bé nào cũng vui. Nhưng khi xếp các bức tranh cạnh nhau, thấy thật khó để nhận ra đâu là chân dung của mình, các cô bé mới hiểu rằng Màu Nước nói đúng.*

Do đồng nhất trong hệ quy chiếu nên chúng ta hiểu từ *bức tranh* là từ trên bậc (thượng danh) xét trong quan hệ với từ *bức chân dung* đứng trước. Do mối quan hệ dùng từ ngữ thượng danh, hạ danh như trên

mà ba câu trong đoạn văn có chứa hai từ *bức tranh* - *bức chân dung* liên kết được với nhau.

Ve sầu được thầy mời trình bày tác phẩm trước tiên. Mặc áo măng tô trong suốt, đôi mắt nâu lấp lánh, đầy vẻ tự tin, ve sầu biểu diễn bản nhạc “Mùa hè”.

Ở ví dụ này, *tác phẩm* là từ ngữ thượng danh xét trong quan hệ với từ ngữ hạ danh *bản nhạc* “Mùa hè”, do mối quan hệ này mà hai câu chứa chúng liên kết với nhau.

Dùng dạng phủ định của từ ngữ trái nghĩa: Đây là phép liên kết sử dụng một trong hai yếu tố liên kết là cụm từ được cấu tạo từ từ TTN của yếu tố liên kết kia cộng với từ phủ định.

Ví dụ: *Bạn có thấy lạ không, Mỗi đứa mình một khác, Cùng ngân nga câu hát, Chẳng giọng nào giống nhau.*

2.2 Phép liên kết dùng từ ngữ trái nghĩa

Dùng từ ngữ trái nghĩa trực tiếp

Bỏ các xây tổ trên cây sung cao chót vót. Tổ bỏ các xây ở đầu cành, trông trống trải. Chim ở dọc xây tổ trên cành vòng, tổ như treo lơ lửng trên cành. Đôi chim cu chọn chỗ xây tổ trên cây thị – nơi có nhiều mầm non vừa nhú. Lúc đầu quanh tổ trông trống trải, nhưng đến khi ấp trứng, những mầm non đã bật dậy tốt tươi, che chung quanh kín đáo.

Cặp TTN *trống trải* >< *kín đáo* góp phần tạo ra mối quan hệ song hành trong câu văn, nhờ đó mà tăng cường tính liên kết của đoạn chứa hai câu.

Nắng sớm ở nông thôn đến rất nhanh. Mới bảy giờ ba mươi, đồng ruộng đã ngập nắng chói chang. Siêng và Nam ngồi trên mô đất giữa nắng ấm.

Nếu ở thành phố, mình đang đi học bơi ở câu lạc bộ, đi công viên Tao Đàn hoặc Văn Thánh. – Nam kể.

Cặp TTN *nông thôn* >< *thành phố* góp phần tạo ra mối quan hệ song hành trong đoạn văn, nhờ đó mà tăng cường tính liên kết của các câu.

Dùng từ ngữ trái nghĩa gián tiếp: Những từ ngữ trái nghĩa gián tiếp cũng tham gia vào nhiệm vụ liên kết văn bản. Những từ ngữ vốn không có quan hệ nghịch đối nhưng do tình huống sử dụng vẫn có tác dụng nhất định đối với sự liên kết các câu trong văn bản và chúng được coi là những từ ngữ trái nghĩa gián tiếp. Sự gián tiếp còn biểu hiện ở việc sử dụng dạng đồng nghĩa của TTN. Đặc biệt là cách dùng dạng phủ định của từ ngữ lập, hoặc TĐN. Sau đây là các ví dụ cụ thể:

Đêm hôm qua, trời *mưa* bão ầm ầm. Rặng phi lao vật vã, chao đảo trong gió nhưng không cây nào chịu gục. Sáng ra, trời *tạnh ráo*. Các cây phi lao chỉ bị rụng mất một ít lá. Khi bé Ly đi học, như thường lệ, rặng phi lao lại vì vụ reo hát chào Ly. Ly vậy tay

chào lại:

Mưa là dạng phủ định của *không mưa* hay *nắng*, mà *không mưa* hay *nắng* lại đồng nghĩa với *tạnh ráo*. Vì thế *mưa* và *tạnh ráo* là các TTN gián tiếp. Theo tính chất bắc cầu có thể suy ra các từ được in đậm ở ví dụ trên là các từ có tác dụng liên kết các câu chứa chúng nhờ sự đối lập về nghĩa của chúng.

Thế là ngoài hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh, tất cả các bức tranh còn lại đều na ná nhau. Lúc đầu, cô bé nào cũng vui. Nhưng khi xếp các bức tranh cạnh nhau, thấy thật khó để nhận ra đâu là chân dung của mình, các cô bé mới hiểu rằng Màu Nước nói đúng. Vẻ đẹp của các cô bé rất khác nhau, và bức chân dung đẹp phải là bức chân dung thể hiện được vẻ riêng đó. Na ná và khác là các từ trái nghĩa gián tiếp vì đây là các trạng thái đối lập. *Na ná* gần nghĩa với *giống*. Mà *giống* đối lập với *khác*. Theo tính chất bắc cầu có thể suy ra các từ được in đậm ở ví dụ trên là các từ có tác dụng liên kết các câu chứa chúng nhờ sự đối lập về nghĩa của chúng.

3. Kết luận

Phép liên kết dùng từ ngữ đồng nghĩa và trái nghĩa có tính đa dạng về các kiểu loại và tần số xuất hiện của phép này cao hơn phép phối hợp từ ngữ. Bên cạnh tác dụng chính là tạo ra liên kết giữa các câu, phép liên kết dùng từ ngữ đồng nghĩa và trái nghĩa còn có những tác dụng đáng kể khác, cụ thể là: (i) phép dùng từ ngữ đồng nghĩa là một biện pháp hữu hiệu tránh được cách lặp từ vựng không đúng chỗ, giúp người đọc biết thêm những thông tin phụ về đối tượng được biểu thị, từ đó góp phần làm nổi bật chủ đề của văn bản; (ii) phép dùng từ ngữ gần nghĩa có tác dụng triển khai chủ đề và (iii) phép dùng từ ngữ trái nghĩa tạo ra sự cân đối cho các câu trong văn bản.

Tài liệu tham khảo

1. Mai Phương Du, Trần Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thùy Dương. Nguyễn Trương Yên Nhi (2023). *Sử dụng sơ đồ tư duy trong thiết kế bài tập dạy học từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa cho học sinh lớp 5 theo hướng phát triển năng lực*. TC Khoa học Đại học Đồng Tháp.

2. Phạm Văn Lam (2018). “*Nghiên cứu từ trái nghĩa trong tiếng Việt*”, Luận án TS Đại học Quốc gia Hà Nội

3. Dương Kỳ Đức, Vũ Quang Hào (2022). *Từ điển đồng nghĩa - trái nghĩa tiếng Việt*. NXBGDVN. Hà Nội

4. Lê Khánh Tùng (2022), Sử dụng thang nhận thức Bloom đảo chiều trong dạy học thực hành viết văn bản nghị luận xã hội cho học sinh trung học phổ thông. Tạp chí Giáo dục, số Đặc biệt, trang 12-17. Hà Nội.